

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT



ĐINH PHƯỢNG QUỲNH

Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp

***Chuyên ngành:* Lý luận lịch sử nhà nước và pháp luật**

***Mã số* : 60 38 01**

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2011

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: GS. TSKH. Đào Trí Úc

Phản biện 1: GS.TS. Nguyễn Đăng Dung

Phản biện 2: GS. TS. Trần Nho Thìn

**Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa
Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.**

Vào hồi 08 giờ 00, ngày 19 tháng 10 năm 2011

Có thể tìm hiểu luận văn tại

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu – Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1.....	2
TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM.....	2
1.1 Khái niệm pháp luật bảo vệ môi trường và khung pháp luật bảo vệ môi trường.....	2
1.2. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam.....	3
1.3. Hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay	3
CHƯƠNG 2.....	6
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM	6
2.1. Những thành tựu của pháp luật bảo vệ môi trường.....	6
2.2. Những vấn đề đặt ra hiện nay trong việc điều chỉnh của pháp luật bảo vệ môi trường	9
CHƯƠNG 3.....	15
ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI	15
3.1. Định hướng chung hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong thời gian tới.....	15
3.2. Hoàn thiện các quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường.....	16
3.3. Hoàn thiện các quy định về đánh giá tác động môi trường.....	16
3.4. Hoàn thiện các quy định về quản lý chất thải, nhất là các chất thải ở khu đô thị và khu công nghiệp.....	17
3.5. Hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường đất, nước, không khí	18
3.6. Ban hành các văn bản cụ thể hóa quá trình công khai hóa, dân chủ hóa hoạt động bảo vệ môi trường	19
3.7. Hoàn thiện các quy định về nguồn lực bảo vệ môi trường	19
3.8. Hoàn thiện các quy định về thiết chế bảo vệ môi trường.....	20
3.9. Hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường	22
3.10. Một số kiến nghị khác	24
KẾT LUẬN	26

MỞ ĐẦU

Trong mấy thập kỷ qua, môi trường toàn cầu và khu vực có chiều hướng biến đổi phức tạp. Chất lượng không khí, nguồn nước, tài nguyên, hệ sinh thái... nhiều nơi ở mức báo động. Ô nhiễm môi trường và áp lực với thiên nhiên đang diễn ra hàng ngày và ở nhiều quốc gia, khu vực và toàn trái đất. Nhận thức được điều đó, trong những năm qua, đặc biệt là một số năm gần đây, Đảng và Nhà nước ta đã rất quan tâm đến việc thực hiện các biện pháp khác nhau để bảo vệ môi trường.

Một trong những công cụ quan trọng trong việc bảo vệ môi trường luôn được Đảng và Nhà nước ta coi trọng là hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường. Định hướng xây dựng, hoàn thiện pháp luật về môi trường được coi là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế bền vững, thực hiện tốt các cam kết quốc tế của Việt Nam.

Tác giả với sự hỗ trợ của nhóm Chuyên gia của Cục Kiểm soát ô nhiễm, Tổng cục môi trường, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức thực hiện nghiên cứu “Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp” làm luận văn tốt nghiệp. Trên thực tế vấn đề nghiên cứu chính và ưu tiên của tác giả là tập trung vào nghiên cứu, phân tích thực trạng của pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường trong thời gian tới.

Luận văn bao gồm những nội dung chính như sau:

Chương 1: Tổng quan về pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam

Chương 2: Thực trạng pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam

Chương 3: Phương hướng và giải pháp hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong thời gian tới

Trong thời gian thực hiện luận văn này, tác giả đã nhận được sự hướng dẫn, chỉ bảo tận tình của GS. TSKH Đào Trí Úc trong việc xây dựng và hoàn thiện nội dung. Tác giả cũng đã nhận được sự giúp đỡ về mọi mặt cũng như các thông tin, số liệu, các phân tích, đánh giá từ Cục Kiểm soát ô nhiễm, Tổng cục Môi trường, các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường. Tác giả xin trân trọng cảm ơn GS. TSKH. Đào Trí Úc, Ông Hoàng Minh Đạo - Cục trưởng Cục Kiểm soát ô nhiễm; các đồng nghiệp công tác tại Cục kiểm soát ô nhiễm; các đồng nghiệp công tác tại các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường; tôi xin bày tỏ lòng biết ơn những người thân trong gia đình, bạn bè đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi hoàn thành luận văn này.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

1.1 Khái niệm pháp luật bảo vệ môi trường và khung pháp luật bảo vệ môi trường

Có rất nhiều quan điểm khi định nghĩa về luật môi trường, tuy vậy, các quan điểm đều đồng nhất cho rằng, luật môi trường là một ngành luật độc lập. Luật môi trường (với tư cách là một ngành luật độc lập) là tập hợp các quy phạm pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh giữa các chủ thể trong quá trình các chủ thể có hành vi khai thác, sử dụng hoặc tác động đến một hoặc nhiều thành phần môi trường [Từ điển giải thích thuật ngữ luật học, Trường ĐH Luật Hà Nội, NXB Công an nhân dân, Hà Nội, 2000, Tập Luật kinh tế, Luật môi trường, Luật tài chính, ngân hàng, trang 175]

Trên thực tế, ở nước ta trong những năm gần đây, trong hoạch định và tổ chức xây dựng các văn bản pháp luật, các nhà quản lý, nhà làm luật đều rất quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường. Trong phạm vi và đối tượng điều chỉnh cụ thể trong từng văn bản pháp luật, các quan hệ về bảo vệ môi trường với luật chuyên ngành đã được xử lý một cách hài hoà và ngày càng mang tính khả thi cao. Đối tượng điều chỉnh của pháp luật môi trường là các quan hệ xã hội trong quá trình tác động giữa xã hội, con người và môi trường. Nhà nước ta đã ban hành một hệ thống các văn bản pháp luật chung và văn bản pháp luật chuyên ngành khác có quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường mà các chủ thể phải thực hiện nhằm góp phần vào việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường trong sạch và phát triển bền vững. Các văn bản này điều chỉnh các nhóm quan hệ sau:

- + Nhóm quan hệ hình thành trong hoạt động quản lý nhà nước đối với môi trường thuộc phạm vi điều chỉnh chủ yếu của Luật Bảo vệ môi trường và các luật có liên quan;

- + Nhóm quan hệ về phòng, chống, khắc phục suy thoái môi trường, ô nhiễm môi trường, phòng chống sự cố môi trường. kiểm soát các hoạt động ảnh hưởng đến môi trường thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Bảo vệ môi trường và hệ thống các văn bản có liên quan;

- + Nhóm quan hệ phát sinh trong quá trình khai thác, sử dụng các thành phần môi trường thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về tài nguyên;

- + Nhóm quan hệ về giải quyết tranh chấp môi trường, xử lý vi phạm pháp luật môi trường thuộc phạm vi điều chỉnh của các ngành luật dân sự, hình sự, hành chính;

+ Nhóm quan hệ về hợp tác quốc tế trong lĩnh vực môi trường.

Trên cơ sở việc điều chỉnh các nhóm quan hệ xã hội chủ yếu kể trên, pháp luật bảo vệ môi trường được cấu thành bởi một số chế định căn bản sau:

- Chế định về quản lý nhà nước về môi trường
- Chế định đánh giá môi trường chiến lược và đánh giá tác động môi trường .
- Chế định về phòng, chống, khắc phục ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường.
- Chế định bảo vệ các thành tố môi trường, các nguồn tài nguyên.
- Chế định về quan hệ quốc tế trong việc bảo vệ môi trường

1.2. Quá trình hình thành và phát triển của pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam

Trước năm 1986, chính sách về bảo vệ môi trường, phòng chống ô nhiễm, kiểm soát suy thoái môi trường hầu như chưa được đề cập cụ thể.

Trong bối cảnh tại thời điểm năm 1993, việc nhà nước ta sớm ban hành Luật Bảo vệ môi trường đầu tiên cho thấy sự quan tâm của Đảng và Nhà nước ta đối với công tác bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường năm 1993 gồm có 55 điều được chia làm 7 chương, quy định những vấn đề có tính cốt lõi nhất trong công tác bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, qua hơn 12 năm thực hiện, đạo luật đã bộc lộ nhiều bất cập trước những bước phát triển mới trong đời sống kinh tế, xã hội, đòi hỏi phải có sự sửa đổi toàn diện. Đáp ứng yêu cầu này, tại kỳ họp thứ 8 (Khóa XI), Quốc hội đã thông qua Luật Bảo vệ môi trường mới (Luật Bảo vệ môi trường năm 2005), thay thế cho Luật Bảo vệ môi trường năm 1993. Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 có hiệu lực kể từ ngày 01/7/2006. Cũng trong giai đoạn này, Nhà nước ta cũng ban hành hàng loạt đạo luật và Pháp lệnh quan trọng về tài nguyên và môi trường .

1.3. Hệ thống văn bản pháp luật bảo vệ môi trường ở Việt Nam hiện nay

Các quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nằm trong nhiều văn bản quy phạm pháp luật ở nhiều tầm hiệu lực pháp luật khác nhau từ Hiến pháp đến các văn bản của các Bộ, ngành (chưa kể các văn bản của chính quyền địa phương).

1.3.1. Các quy định của Hiến pháp

Hiến pháp là đạo luật cơ bản, có giá trị pháp lý cao nhất trong hệ thống pháp luật, Hiến pháp năm 1992 (được sửa đổi, bổ sung năm 2001) đã có những quy định mang tính nguyên tắc về bảo vệ môi trường.

Điều 29 Hiến pháp đã quy định nghĩa vụ “bảo vệ môi trường” - một loại nghĩa vụ pháp lý của mọi tổ chức, cá nhân trong xã hội.

1.3.2. Hệ thống Luật, Pháp lệnh

Ở tầm Luật và Pháp lệnh, việc bảo vệ môi trường được quy định bởi Luật Bảo vệ môi trường (ban hành năm 1993 và được thay thế bởi Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 kể từ ngày 01/7/2006) và các văn bản có liên quan. Hiện nay có 33 Luật và 22 Pháp lệnh có nội dung liên quan tới công tác bảo vệ môi trường.

Trong hệ thống các Luật, Pháp lệnh về bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường có thể coi là đạo luật trung tâm trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 gồm 136 điều được chia làm 15 chương quy định 14 nhóm vấn đề quan trọng sau đây:

- Phạm vi, đối tượng điều chỉnh, nguyên tắc, chính sách về bảo vệ môi trường của Việt Nam;
- Tiêu chuẩn môi trường;
- Đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường;
- Bảo tồn và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên;
- Các biện pháp bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ;
- Các yêu cầu và biện pháp bảo vệ môi trường đô thị, khu dân cư;
- Bảo vệ môi trường biển, nước sông và các nguồn nước khác;
- Quản lý chất thải;
- Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, khắc phục ô nhiễm và phục hồi môi trường;
- Quan trắc và thông tin về môi trường;
- Nguồn lực bảo vệ môi trường;
- Hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường: thực hiện điều ước quốc tế về môi trường; bảo vệ môi trường trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hoá; mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường;
- Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước (Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường, các Bộ, ngành khác, Ủy ban nhân dân các cấp), Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên về bảo vệ môi trường.
- Thanh tra, xử lý vi phạm, giải quyết khiếu nại, tố cáo và bồi thường thiệt hại về môi trường.

Bên cạnh Luật Bảo vệ môi trường, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường còn có các đạo luật, pháp lệnh về bảo vệ các thành tố môi trường (còn gọi là các đạo luật, pháp lệnh về tài nguyên). Ngoài ra, quy định về nghĩa vụ bảo vệ môi trường hoặc nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các tổ chức, cá nhân còn nằm

rải rác trong nhiều đạo luật khác. Bên cạnh đó, một số đạo luật, pháp lệnh còn quy định cụ thể việc xử lý vi phạm pháp luật đối với hành vi vi phạm pháp luật về môi trường hay một số đạo luật, pháp lệnh có những nội dung quan trọng liên quan đến vấn đề tài chính trong bảo vệ môi trường.

1.3.3. Các văn bản quy phạm pháp luật khác

Để thực hiện các Luật, Pháp lệnh, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành hữu quan đã ban hành nhiều văn bản hướng dẫn có nội dung quy định về bảo vệ môi trường.

Các văn bản này tập trung vào giải quyết các nội dung chính sau: quy định hệ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường Việt Nam; quy định quy trình đánh giá tác động môi trường; quy định về giấy phép môi trường; quy định về thanh tra môi trường; quy định về các biện pháp xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường; quy định về các thiết chế bảo vệ môi trường (tổ chức, bộ máy, phân công nhiệm vụ giữa các cơ quan bảo vệ môi trường)...

Kết quả rà soát cho thấy, hiện có hơn 90 Nghị định của Chính phủ, hơn 50 Quyết định và 30 Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, cùng hàng trăm thông tư, chỉ thị, quyết định của các Bộ, ngành đã ban hành có nội dung liên quan trực tiếp tới công tác bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG Ở VIỆT NAM

2.1. Những thành tựu của pháp luật bảo vệ môi trường

2.1.1. *Đánh giá tổng quan về hiệu quả của pháp luật bảo vệ môi trường*

Mặc dù bảo vệ môi trường là một vấn đề còn mới nhưng các văn bản có liên quan đến bảo vệ môi trường cho thấy vấn đề bảo vệ môi trường đã từng bước được hoàn chỉnh và khẳng định là một vấn đề hệ trọng và ngày càng được quan tâm, được thể chế hoá vào hầu hết các ngành luật

Từ những đánh giá tổng quan về pháp luật bảo vệ môi trường, khái quát lại, thành tựu trong công tác xây dựng hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường được thể hiện tập trung ở những điểm sau:

Một là, hệ thống pháp luật quy định về bảo vệ môi trường ở nước ta từ năm 1993 đến nay đã phát triển cả nội dung lẫn hình thức, điều chỉnh tương đối đầy đủ các yếu tố tạo thành môi trường.

Hai là, các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường tương đối đầy đủ các thành phần môi trường, nội dung các quy định đã cụ thể hoá tương đối kịp thời và đầy đủ các chủ trương của Đảng cũng như những cam kết quốc tế về môi trường mà Việt Nam là thành viên.

Ba là, bên cạnh việc tích cực ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, Việt Nam đã từng bước tham gia các điều ước quốc tế về môi trường... Việc gia nhập các công ước này là tiền đề quan trọng cho việc hội nhập của pháp luật Việt Nam với những tiêu chuẩn và quy phạm của pháp luật quốc tế.

Bốn là, chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường đã được tập trung vào một đầu mối thống nhất là Bộ Tài nguyên và Môi trường là đúng hướng, tuy nhiên vẫn chưa triệt để. Bởi việc quản lý tài nguyên vẫn còn nằm rải rác ở một số bộ, ngành, điều này dẫn tới cơ chế phối hợp trong quản lý nhà nước chưa thực sự đồng bộ và hiệu quả.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, từ thực trạng tổ chức thi hành các văn bản pháp luật về quản lý nhà nước và việc bảo vệ môi trường cho thấy tình trạng ô nhiễm, suy thoái môi trường đang có xu hướng gia tăng, đa dạng sinh học trên đất liền và dưới nước bị suy giảm; không khí và nguồn nước đang bị cạn kiệt dần về lượng, suy giảm về chất... Thực trạng trên do nhiều nguyên nhân nhưng nguyên nhân cơ bản nhất là do các chúng ta chưa có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh và đồng bộ trong lĩnh vực

này. Trên một số lĩnh vực còn thiếu văn bản có giá trị pháp lý cao, các quy định rất tản mạn và được quy định trong rất nhiều văn bản và ở nhiều cấp độ khác nhau, lĩnh vực quản lý các thành phần môi trường còn được điều chỉnh bằng nhiều luật, pháp lệnh quản lý từng thành phần môi trường như đã liệt kê ở các phần trên. Các văn bản còn yếu về khả năng thích ứng với các biến động xảy ra đã đến các tình trạng các cơ quan quản lý - tác nghiệp chạy theo các giải pháp tình thế và thực sự lúng túng trong nhiều trường hợp vì thiếu các quy định pháp luật để xử lý. Các cơ quan hoạch định chính sách bị động trong việc lập kế hoạch ban hành văn bản pháp luật để quản lý tốt môi trường, có nhiều nội dung trùng lặp, thậm chí còn có các quy định mâu thuẫn giữa các văn bản. Việc quy định như vậy dẫn đến tình trạng khó áp dụng và vận dụng trong thực tiễn. Có thể chỉ ra những yếu kém chính của hệ thống pháp luật về môi trường là:

Thứ nhất, các quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về tài nguyên thiên nhiên hoặc điều chỉnh các hoạt động của con người trong quá trình sản xuất, kinh doanh còn những điểm trùng lặp, mâu thuẫn khiến cho quá trình áp dụng pháp luật gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, các quy phạm về bảo vệ môi trường trong các văn bản quy phạm pháp luật còn khá chung chung, đặc biệt là trong các văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành khác rất mờ nhạt, khó thực hiện.

Thứ hai, thiếu thiết chế thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường, cơ chế bảo đảm thực thi pháp luật quốc gia cũng như thực hiện các cam kết quốc tế, điều ước quốc tế về môi trường chưa cao.

Thứ ba, các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường liên quan đến từng thành phần môi trường hay điều chỉnh những hoạt động của con người lên môi trường được ban hành chưa đồng bộ, còn chậm cả về mặt thời gian ban hành và nội dung của các quy định.

Thứ tư, những quy định pháp luật về bảo vệ môi trường không có biện pháp xử lý thích hợp đối với người vi phạm nên không được thực hiện.

Thứ năm, chưa có đủ các văn bản quy phạm pháp luật để huy động sự tham gia, đóng góp của mọi tổ chức, cá nhân tham gia bảo vệ môi trường. Với các văn bản quy phạm pháp luật hiện nay thì việc bảo vệ môi trường dường như chỉ là việc của các cơ quan quản lý chứ chưa thực sự trở thành “sự nghiệp của toàn dân” như các văn bản của Đảng.

2.1.2. Các nguyên tắc và chính sách về bảo vệ môi trường

Có thể nói, một trong những thành tựu của hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường là việc xây dựng và ghi nhận, xác định được hệ thống nguyên tắc cơ bản trong chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường.

Những nguyên tắc, chính sách cơ bản về bảo vệ môi trường đã được khẳng định ngày một nhất quán và rõ hơn. Những nguyên tắc, chính sách cơ bản này xuất phát từ chủ trương phát triển kinh tế - xã hội theo mô hình phát triển bền vững (vừa đảm bảo tăng trưởng kinh tế, bảo vệ môi trường và ổn định, công bằng xã hội).

Đó là các nguyên tắc đã được nêu tại Điều 4 và Điều 5 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005.

Ngoài các nguyên tắc kể trên, Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia của Việt Nam còn khẳng định nguyên tắc *“Bảo vệ môi trường phải trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước, thể chế và pháp luật đi đôi với việc nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của mọi người dân, của toàn xã hội về bảo vệ môi trường”*.

2.1.3. Tính khả thi của pháp luật bảo vệ môi trường

Thành tựu thứ hai của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường là trong thời gian qua, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật có tầm hiệu lực pháp lý cao, đủ mạnh để điều chỉnh các quan hệ phát sinh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

2.1.4. Tính toàn diện và đồng bộ của pháp luật bảo vệ môi trường

Thành tựu đáng ghi nhận thứ ba của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường chính là việc Việt Nam đã xây dựng được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật tương đối toàn diện. Rà soát các quy định về bảo vệ môi trường chúng ta có thể thấy, những quan hệ xã hội cơ bản phát sinh trong hoạt động bảo vệ môi trường đã được quy định khá đầy đủ và toàn diện. Các quan hệ xã hội phát sinh trong lĩnh vực bảo vệ môi trường có thể kể đến đó là các quan hệ xã hội sau:

- Các quan hệ giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc bảo vệ môi trường.
- Các quan hệ giữa một bên là các cá nhân, tổ chức với một bên là Nhà nước phát sinh trong hoạt động quản lý nhà nước về môi trường
- Các quan hệ giữa các cá nhân, tổ chức với nhau phát sinh do ý chí của các

Bên cạnh các quy định pháp luật quy định các biện pháp về bảo vệ môi trường, Việt Nam cũng xây dựng được hệ thống các văn bản tương đối toàn diện điều chỉnh việc khai thác, sử dụng các loại tài nguyên, khoáng sản quan trọng. Đây cũng là một điểm thể hiện tính toàn diện của hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường.

Thêm vào đó, nhiều vấn đề môi trường được coi là tương đối mới đối với sự phát triển kinh tế, xã hội ở Việt Nam cũng đã có văn bản điều chỉnh

như: an toàn sinh học đối với các sinh vật biến đổi gen; sản phẩm, hàng hóa có nguồn gốc từ sinh vật biến đổi gen ...

2.1.5. Tính công khai, dân chủ của pháp luật bảo vệ môi trường

Thành tựu thứ tư của pháp luật bảo vệ môi trường nước ta chính là việc bước đầu thiết lập được cơ chế công khai hóa, dân chủ hóa trong hoạt động bảo vệ môi trường. Hoạt động bảo vệ môi trường sẽ khó đạt được hiệu quả mong muốn nếu như thiếu cơ chế huy động sự tham gia rộng rãi của người dân vào hoạt động bảo vệ môi trường. Để đáp ứng yêu cầu dân chủ hóa quá trình bảo vệ môi trường, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 đã bổ sung nhiều quy định quan trọng. Hầu hết các thông tin về môi trường có liên quan đến quyền và lợi ích thiết thân của cộng đồng dân cư đều được Luật buộc các chủ thể có liên quan công khai cho người dân biết để có ứng xử phù hợp.

2.1.6. Hệ thống chế tài

Thành tựu thứ năm trong hệ thống văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường trong thời gian qua chính là việc Việt Nam đã xây dựng được hệ thống chế tài xử lý vi phạm pháp luật môi trường tương đối đầy đủ. Có 3 loại biện pháp chế tài cơ bản mà pháp luật thường sử dụng để điều chỉnh hành vi của các tổ chức, cá nhân trong xã hội đó là chế tài dân, chế tài hành, chế tài hình sự. Cho đến nay, có thể nói, pháp luật về bảo vệ môi trường đã có cả 3 loại chế tài này.

2.2. Những vấn đề đặt ra hiện nay trong việc điều chỉnh của pháp luật bảo vệ môi trường

2.2.1. Tính đồng bộ của pháp luật bảo vệ môi trường

Có thể nói rằng, việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 là một bước tiến lớn trong quá trình hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường nước ta đáp ứng các yêu cầu mới của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Tuy nhiên, một trong những vấn đề về mặt pháp lý mà Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 chưa giải quyết được chính là việc xác định vị trí của đạo luật này trong hệ thống pháp luật và xử lý mối quan hệ giữa đạo luật này với các đạo luật có liên quan trong đó có các đạo luật về tài nguyên (Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước, Luật Khoáng sản v.v.) và các đạo luật có liên quan khác (chẳng hạn như Bộ luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp v.v.).

Thực tế quá trình áp dụng Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 cũng cho thấy, do thiếu quy phạm xử lý mối quan hệ giữa Luật Bảo vệ môi trường và các đạo luật có liên quan mà trong trường hợp có sự chồng lấn, mâu thuẫn giữa các quy định trong Luật Bảo vệ môi trường (hoặc các văn bản hướng dẫn luật này) với các quy định trong các đạo luật khác (hoặc các văn bản

hướng dẫn các đạo luật này) thì việc chọn quy phạm nào để áp dụng cho hợp lý có khá nhiều lúng túng, vướng mắc.

2.2.2. Những tồn tại, bất cập trong một số nhóm quy phạm cụ thể

a) Quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ môi trường là một bộ phận quan trọng trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường, đó là những quy định, chuẩn mực, giới hạn mà các nhà quản lý căn cứ vào đấy để quản lý môi trường, nó là công cụ chủ yếu trong quản lý môi trường.

Hiện nay, phần lớn các tiêu chuẩn môi trường đã được chuyển đổi thành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường. Tuy nhiên, một số quy chuẩn đã tỏ ra không phù hợp với thực tế và trình độ phát triển kinh tế, xã hội của đất nước, còn quá cao so với các nước trong khu vực. Mặt khác, chưa có sự phân biệt trong việc áp dụng quy chuẩn môi trường giữa các dự án đầu tư với các cơ sở đang hoạt động; mặc dù được ban hành tương đối nhiều, nhưng các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường không được phổ biến, công khai rộng rãi đến người dân; một số hoạt động cần phải tuân thủ quy chuẩn môi trường nhưng lại không được quy định hoặc những hoạt động cần thiết phải căn cứ vào quy chuẩn môi trường nhưng lại cũng không có quy định như hoạt động lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường...

b) Quy định về đánh giá tác động môi trường

Mục đích cơ bản của đánh giá tác động môi trường là đảm bảo gắn sự phát triển kinh tế, xã hội với việc bảo vệ môi trường, hay nói cách khác là bảo đảm tính bền vững của các dự án đầu tư. Đồng thời giúp các nhà quản lý xem xét nhiều vấn đề quan trọng, đặc biệt là công nghệ xử lý chất thải và giám sát môi trường. Có thể nói, đánh giá tác động môi trường là công cụ pháp lý hữu hiệu của nhà nước nhằm phòng, chống suy thoái, ô nhiễm và sự cố môi trường. Các quy định về đánh giá tác động môi trường đóng vai trò rất quan trọng trong hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung. Pháp luật về đánh giá tác động môi trường được đặc biệt quan tâm xây dựng, phát triển và tổ chức thực hiện trong thời gian qua. Đặc biệt là những năm của thập kỷ 90 của thế kỷ trước. Tuy nhiên, về vấn đề này còn một số bất cập:

- Pháp luật về đánh giá tác động môi trường vẫn còn nhiều điểm chưa hoàn thiện là nguyên nhân của việc làm hạn chế vai trò và tác dụng của đánh giá tác động môi trường đối với các hoạt động bảo vệ môi trường.

- Còn thiếu các hướng dẫn đánh giá tác động môi trường đối với các ngành, lĩnh vực đặc thù, dẫn đến việc rất khó khăn cho chủ dự án cũng như

cơ quan có thẩm quyền thẩm định trong việc lập và thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

c) Quy định về phân định thẩm quyền nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

Luật Bảo vệ môi trường chưa có quy định rõ ràng giữa quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường với quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng và bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên như rừng, nước, khoáng sản, dầu khí, thủy sản... Do đó, nhiều trường hợp còn xảy ra sự chồng chéo chức năng, thẩm quyền giữa các Bộ Tài nguyên và Môi trường với các Bộ, ngành quản lý các thành phần môi trường khác có các hoạt động quản lý liên quan đến môi trường.

Sự “chồng chéo ngang” về chức năng, thẩm quyền có thể nhìn nhận khi các hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên do các bộ, ngành quản lý khác quy định. Dù Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 (tại Điều 121) đã cố gắng cụ thể hóa việc phân định trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường giữa các Bộ, ngành nhưng ngay cả như vậy, thì việc xảy ra chồng lấn cũng là điều khó tránh. Cụ thể Chương XIII Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 không quy định rõ vai trò của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong việc giúp Chính phủ **chủ trì, thống nhất các hoạt động quản lý nhà nước**; không quy định trách nhiệm các bộ, ngành cần phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường trong ngành, lĩnh vực mình quản lý.

d) Quy định về thiết chế thực thi pháp luật bảo vệ môi trường

Hiện tại, hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trực thuộc cấp tỉnh và huyện đã được quy định tại Nghị định 13/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 và Nghị định 14/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ, Quyết định số 45/2003/QĐ-TTg ngày 2/4/2003 về việc thành lập Sở Tài nguyên và Môi trường, đổi tên Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thành Sở Khoa học và Công nghệ thuộc Ủy ban nhân dân, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số 03/2008/TTLT-BTNMT-BNV Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn về tài nguyên và môi trường thuộc Ủy ban nhân dân các cấp v.v. Tuy đã được quan tâm củng cố và tăng cường nhưng so với yêu cầu của công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay, hệ thống thiết chế bảo vệ môi trường còn phải tiếp tục được bổ sung, hoàn thiện. Một trong những giải pháp để củng cố hệ thống thiết chế về bảo vệ môi trường là thành lập thêm các thiết chế mới để mở rộng mạng lưới thiết chế bảo vệ môi trường.

Đáp ứng yêu cầu này, Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 (Điều 123) quy định việc thành lập thêm tổ chức chuyên môn về bảo vệ môi trường thuộc các Bộ, ngành, các tổng công ty nhà nước, các khu công nghiệp v.v.

Tuy nhiên, để triển khai các quy định này, nhiều nội dung cần phải được làm rõ như cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, lực lượng nhân sự cho các tổ chức kể trên.

d) Quy định về xử lý vi phạm

Các chế tài đối với hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường được quy định khá đầy đủ và đồng bộ bao gồm chế tài hành chính, chế tài dân sự, chế tài hình sự (Bộ luật Hình sự, Bộ luật Dân sự và Nghị định số 117/2009/NĐ-...). Các quy định này luôn được xem là căn cứ pháp lý quan trọng để ngăn ngừa và xử lý các vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, vẫn còn một số bất cập trong các quy định về các chế tài.

- Mặc dù Bộ luật Hình sự Việt Nam sửa đổi, bổ sung năm 2009 được thông qua và có hiệu lực nhưng chưa có hành vi nào quy định tại Chương XVII bị truy tố. Việc thực hiện 10 điều luật của Chương XVII Bộ luật hình sự 2009 sửa đổi bổ sung Bộ luật Hình sự năm 1999 đang gặp rất nhiều khó khăn, có thể nói là chưa được thực hiện. Các chế tài hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường vẫn chỉ nằm trên giấy.

- Mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường theo Nghị định số 117/2009/NĐ-CP vẫn phù hợp với thực tế, chưa đủ răn đe đối với các đối tượng vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, chông chéo với các văn bản quy phạm pháp luật khác như 04/2008/TT-BTNMT, việc dẫn chiếu tới các văn bản khác không cụ thể...Điều này khiến các đơn vị quản lý nhà nước gặp nhiều khó khăn khi sử dụng Nghị định 117/2009/NĐ-CP, còn đối với các doanh nghiệp thì lại rất khó thực hiện đúng. Việc xử lý các vi phạm pháp luật về môi trường, các quy định hay gặp sự mâu thuẫn chông chéo nhất chính là các quy định xử lý hành chính. Cụ thể, trong các Nghị định về xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu tới môi trường, tình trạng cùng hành vi tương tự nhau nhưng mức xử phạt quy định khác nhau trong các văn bản khác nhau vẫn còn tồn tại.

- Pháp luật về trách nhiệm dân sự (bồi thường thiệt hại về môi trường) trong lĩnh vực bảo vệ môi trường còn quá chung chung, thiếu cụ thể và khó áp dụng trên thực tế. Tình trạng dẫn chiếu vòng vẩn chưa được giải quyết như “bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật”, trong khi môi trường ngày càng bị ô nhiễm, suy thoái, mặc dù Điều 628 Bộ Luật Dân sự và Luật Bảo vệ môi trường đã có quy định về vấn đề này.

- Chưa có quy định rõ ràng để phân biệt giữa trách nhiệm khắc phục, phục hồi môi trường theo pháp luật về hành chính và trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo pháp luật về dân sự.

- Các quy định về khuyến khích, khen thưởng đối với hoạt động bảo vệ môi trường còn chung chung, không thể thực hiện được trên thực tế. Bởi thiếu các cơ chế tài chính, hỗ trợ và ưu đãi cho các hoạt động này.

e) Những nội dung còn thiếu hoặc cần hướng dẫn chi tiết

- Về các loại quy định còn thiếu có thể kể đến các quy định về bảo vệ môi trường biển, các quy định về thu phí khí thải, tiếng ồn, các quy định về sử dụng hạn ngạch phát thải trong bảo vệ môi trường v.v. Thêm vào đó, trong khi một số Bộ, ngành đã ban hành được các Quy chế bảo vệ môi trường trong các hoạt động thuộc Bộ, ngành mình quản lý

- Các quy định cần hướng dẫn thêm: Với việc ban hành Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, nhiều nội dung, tinh thần mới trong chính sách bảo vệ môi trường được đưa vào trong Luật, tuy nhiên để triển khai các quy định ấy cũng cần có sự hướng dẫn, cụ thể hóa.

g) Hiệu lực thi hành trong thực tế thấp

Thực trạng ô nhiễm ngày càng lớn tại các khu đô thị, khu công nghiệp, nhiều làng nghề, một số khu nông thôn hiện nay cho thấy công tác bảo vệ môi trường của nước ta hiện nay chưa đáp ứng được yêu cầu.

Một trong những nguyên nhân của tình trạng kể trên có thể thấy là do sự yếu kém trong ý thức của người dân, không ít doanh nghiệp trong công tác bảo vệ môi trường. Thêm vào đó, hệ thống cơ quan bảo vệ môi trường còn quá mỏng cũng góp phần làm cho việc ngăn chặn, xử lý các hành vi gây ô nhiễm gặp nhiều khó khăn.

Việc xử lý hành chính đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường còn chưa kiên quyết và triệt để. Các biện pháp khắc phục môi trường, trả lại tình trạng ban đầu trước khi môi trường bị ô nhiễm không được chấp hành nghiêm. Chưa có vụ xử lý hình sự đối với hành vi gây ô nhiễm môi trường nào được thực hiện. Bộ máy điều tra, truy tố, xét xử đối với các hành vi gây ô nhiễm ở mức là tội phạm hầu như chưa được khởi động trong thực tế.

Như vậy, có thể thấy, tuy tốc độ xây dựng thể chế trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được quan tâm, đẩy mạnh nhưng hiệu quả, hiệu lực thi hành của các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường còn chưa được quan tâm, chú ý đúng mức.

Đây là một yếu kém, thiếu sót của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường cần phải đặc biệt chú ý quan tâm khắc phục trong thời gian tới để mọi cá nhân, tổ chức trong xã hội có ý thức cao hơn trong việc bảo vệ môi

trường, chấp hành tốt hơn pháp luật bảo vệ môi trường và bảo đảm pháp luật bảo vệ môi trường được triệt để tôn trọng.

CHƯƠNG 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG THỜI GIAN TỚI

3.1. Định hướng chung hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường trong thời gian tới

Qua việc đánh giá những kết quả đã đạt được cũng như những tồn tại của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, có thể thấy rằng, yêu cầu hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường đang trở thành một yêu cầu, đòi hỏi cấp bách hiện nay, nhằm nâng cao hiệu lực của hệ thống pháp luật này. Việc hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cần theo định hướng sau:

Một là, thể chế hoá quan điểm, chủ trương phát triển của Đảng, bảo đảm hài hoà giữa phát triển kinh tế, bảo đảm công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, nhằm phát triển bền vững đất nước; bảo đảm quyền con người được sống trong môi trường trong lành. Về

Hai là, hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường phải được xây dựng trong mối quan hệ hài hoà với các quy định pháp luật khác, đặc biệt là đối với các quy định pháp luật về tài nguyên.

Ba là, quy định cụ thể trách nhiệm, trong đó có trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trách nhiệm phục hồi môi trường trong trường hợp gây ô nhiễm, làm thiệt hại tới môi trường. Có các chính sách cụ thể nhằm khuyến khích áp dụng các biện pháp phòng ngừa ô nhiễm và sử dụng công nghệ sạch.

Bốn là, có các quy định để tăng cường năng lực, quyền hạn của cơ quan giám sát tác động môi trường, đặc biệt là chức năng giám sát việc cấp, thu hồi giấy phép vận hành thiết bị công nghệ; hình thành các tổ chức đánh giá môi trường hoạt động độc lập (một hình thức kiểm toán môi trường độc lập).

Năm là, xây dựng và ban hành đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường đảm bảo phù hợp với tình hình Việt Nam nhưng không gây rào cản hàng rào kỹ thuật (TBT) khi Việt Nam đã tham gia Tổ chức Thương mại Thế giới.

Sáu là, phân định lại chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên, cũng như các cơ quan hữu quan, tránh sự chồng chéo như hiện nay. Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn rõ ràng giữa các cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường ở Trung ương với địa phương

Bảy là, thể chế hoá chính sách sử dụng các công cụ kinh tế trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường.

Tám là, hoàn thiện các quy định về thanh tra về bảo vệ môi trường.

Chín là, thể chế đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các điều ước quốc tế về môi trường mà Việt Nam là thành viên, góp phần chủ động hội nhập kinh tế quốc tế

3.2. Hoàn thiện các quy định tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường

Tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường là một trong những công cụ quản lý quan trọng nhằm thực hiện các mục tiêu, yêu cầu đặt ra trong từng giai đoạn thời gian của công tác quản lý Nhà nước về môi trường. Việc bắt buộc áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường là một trong những biện pháp cơ bản nhằm bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Trong thời gian tới, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường cần được hoàn thiện theo các định hướng sau:

- Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường phải được xây dựng theo nguyên tắc chung là: phải phù hợp với trình độ phát triển, trình độ dân trí, phù hợp với hiện trạng nền kinh tế, tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý nhà nước về môi trường và đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững.

- Cần có các quy định khuyến khích áp dụng các tiêu chuẩn môi trường của các nước trên thế giới vào Việt nam cũng như áp dụng các hệ thống tiêu chuẩn quốc tế hiện đại.

- Rà soát, xây dựng dự thảo 11 tiêu chuẩn về phương pháp phân tích để cập nhật, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với trình độ khoa học công nghệ hiện nay ở trong nước và quốc tế.

Bộ Tài nguyên và Môi trường cần tiếp tục xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường mới (chất lượng nước biển xa bờ, chất lượng trầm tích, ô nhiễm mùi...), phù hợp với các yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, đồng thời định kỳ rà soát lại hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường đã ban hành để có những sửa đổi, bổ sung phù hợp; nghiên cứu, xem xét, bãi bỏ các quy chuẩn không phù hợp.

3.3. Hoàn thiện các quy định về đánh giá tác động môi trường

Trong thời gian tới, các quy định về đánh giá tác động môi trường cần được sửa đổi, bổ sung theo định hướng sau:

- Cần sớm ban hành quy định cụ thể, có tính khả thi về đánh giá tác động môi trường đối với các dự án chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.

- Ban hành các văn bản hướng dẫn kỹ thuật về đánh giá tác động môi trường chuyên ngành đối với từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

- Cần có các quy định về kinh phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường để các chủ dự án đầu tư có kế hoạch dành một khoản kinh phí cho việc này, đảm bảo chất lượng của việc lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Quy định trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc đánh giá tác động môi trường, tránh tình trạng các dự án chưa được đánh giá tác động môi trường vẫn được phê duyệt, thể hiện sự không nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước. Quy định này phải theo hướng “chỉ được phê duyệt dự án sau khi đã có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường”.

- Quy định rõ trường hợp nào là cần thiết phải thành lập Hội đồng thẩm định báo cáo tác động môi trường; quy định cụ thể trường hợp nào một thành viên được huy động tham gia Hội đồng thẩm định có nghĩa vụ từ chối không tham gia để đảm bảo tính khách quan, khoa học của hoạt động thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Về công khai hóa các quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo sự tham gia của người dân vào quá trình giám sát thực hiện các cam kết bảo vệ môi trường

3.4. Hoàn thiện các quy định về quản lý chất thải, nhất là các chất thải ở khu đô thị và khu công nghiệp

Các quy định về quản lý chất thải, nhất là chất thải tại các khu đô thị, khu công nghiệp cần đặc biệt được ưu tiên, hoàn thiện:

- Bộ Xây dựng sớm hoàn thiện Đề án quy hoạch tổng thể quản lý chất thải rắn cho các đô thị và khu công nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

- Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng cần khẩn trương hoàn thành nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Khoa học và Công nghệ rà soát, xây dựng đồng bộ hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật và hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn môi trường trong lĩnh vực quản lý chất thải rắn; Chủ trì xây dựng quy chế phối hợp giữa các tổ chức thanh tra môi trường và thanh tra xây dựng các cấp nhằm tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, phát huy hiệu quả phòng chống, khắc phục ô nhiễm môi trường do rác thải, đặc biệt là chất thải công nghiệp;

- Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương rà soát, nghiên cứu, trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, hoàn thiện các cơ chế, chính sách về tài chính, giá dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn, ... nhằm khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, áp dụng công nghệ mới nhằm giảm thiểu chất thải, xử lý, tái chế và tái sử dụng chất thải, cơ khí chế tạo thiết bị vận tải, công nghệ xử lý chuyên dùng trong lĩnh vực chất thải rắn;

Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng các cơ chế chính sách hỗ trợ và khuyến khích cho các dự án đầu tư trong lĩnh vực xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải.

- Bộ Công Thương cần sớm hoàn thiện Đề án hạn chế và giảm dần việc sử dụng hóa chất độc hại, các bao bì làm từ các loại vật liệu khó phân hủy trong công nghiệp, thay thế bằng các nguyên, vật liệu thân thiện môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành.

- Bộ Y tế cần khẩn trương hoàn thành việc rà soát nội dung, đánh giá kết quả tình hình thực hiện Quy chế quản lý chất thải rắn y tế, đề xuất các vấn đề cần chỉnh sửa, bổ sung; Xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện quy hoạch tổng thể về quản lý chất thải rắn y tế sau khi được Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài việc thực hiện các công việc kể trên, trong thời gian tới, các nội dung sau đây trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 cần được tập trung hướng dẫn:

Thứ nhất, thu hồi, xử lý sản phẩm hết hạn sử dụng hoặc thải bỏ;

Thứ hai, ban hành các quy định hướng dẫn việc quản lý chất thải thông thường;

Thứ ba, ban hành quy chế chuyển nhượng hạn ngạch phát khí thải gây hiệu ứng nhà kính tại Điều 84 Khoản 2 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005;

Thứ tư, ban hành quy chế cấp phát, sử dụng, chuyển nhượng hạn ngạch phát thải .

3.5. Hoàn thiện các quy định về bảo vệ môi trường đất, nước, không khí

- Nghiên cứu sửa đổi quy định tại Điều 89, Điều 90 Nghị định 181/2004/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2003 theo hướng giảm tiền thuê đất cho việc đầu tư khai thác những loại khoáng sản có giá trị thấp như vật liệu san lấp hoặc có trữ lượng ít và thời gian khai thác ngắn.

- Cần hướng dẫn cụ thể Khoản 3 điều 30 Luật Khoáng sản sửa đổi năm 2010 về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trước khi tiến hành khai thác khoáng sản theo quy định của Chính phủ.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định của Luật Tài nguyên nước năm 1998 cho phù hợp với yêu cầu thực tế và tạo điều kiện thuận lợi cho Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước.

- Nghiên cứu định hướng xây dựng Luật Bảo vệ môi trường biển làm căn cứ quản lý môi trường.

- Xây dựng và ban hành mới Nghị định về phí bảo vệ môi trường đối với khí thải; Nghị định về Phí bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn.

- Ban hành văn bản quy định việc xử lý các vấn đề liên quan đến ảnh hưởng của sóng vô tuyến đối với sức khỏe cộng đồng.

3.6. Ban hành các văn bản cụ thể hóa quá trình công khai hóa, dân chủ hóa hoạt động bảo vệ môi trường

3.6.1. Các quy định về công khai hóa thông tin

Để thực hiện các quy định tại các Điều 23 Điều Điều 93 Điều Điều 105 của Luật Bảo vệ Môi trường 2005, nhiều nội dung cần phải được hướng dẫn cụ thể. Ngoài ra, có thể nói, các quy định kể trên trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 là những quy định rất tiến bộ nhưng không phải tổ chức, cá nhân nào cũng mong muốn thực hiện các quy định này. Chính vì thế, pháp luật cũng cần quy định cụ thể các biện pháp chế tài xử lý đối với các chủ thể không thực hiện nghĩa vụ công khai hóa các thông tin.

3.6.2. Các quy định về đối thoại môi trường

Điều 105 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 còn đặt ra cơ chế đối thoại các vấn đề về môi trường. Tuy nhiên, để thực hiện quy định này, trong thời gian tới, cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về trình tự, thủ tục của việc đối thoại (cách thức tổ chức buổi đối thoại, thời hạn gửi văn bản trao đổi, thành phần của cơ quan chủ trì đối thoại - đối thoại trước một đại diện hay trước một hội đồng v.v.).

3.7. Hoàn thiện các quy định về nguồn lực bảo vệ môi trường

3.7.1. Hoàn thiện quy định pháp luật về thuế bảo vệ môi trường

Hiện nay, Luật Thuế bảo vệ môi trường đã được Quốc hội thông qua tại Luật số 57/2010/QH12 ngày 15/11/2010.

Trong Luật Thuế bảo vệ môi trường đã quy định về đối tượng chịu thuế, đối tượng không chịu thuế, người nộp thuế, căn cứ tính thuế, khai thuế, tính thuế, nộp thuế và hoàn thuế bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Luật thuế bảo vệ môi trường chưa quy định cơ quan quản lý và thu thuế, việc sử dụng nguồn thuế thu được phục vụ công tác bảo vệ môi trường.

3.7.2. Hoàn thiện các quy định về phí bảo vệ môi trường

Theo quy định Điều 113 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005, trong thời gian tới, Bộ Tài chính phải chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng các Bộ, ngành hữu quan xây dựng Dự thảo Nghị định quy định các loại phí bảo vệ môi trường trình Chính phủ quyết định.

3.7.3. Hoàn thiện các quy định pháp luật về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường

Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 quy định về ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Như vậy, trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần phối hợp với Bộ Tài chính và các cơ quan hữu quan soạn thảo Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về mức ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác các tài nguyên khác theo quy định tại Điều 30 Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12.

3.7.4. Hoàn thiện các quy định về bảo hiểm trách nhiệm dân sự trong lĩnh vực môi trường

Bộ Tài chính chủ động phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan xây dựng Dự thảo Nghị định về bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại về môi trường trình Chính phủ xem xét, quyết định. Dự thảo Nghị định cần quy định rõ các nội dung như: các đối tượng phải mua phí bảo hiểm môi trường, mức phí bảo hiểm môi trường, phạm vi bảo hiểm, mức tiền chi trả bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm v.v.

3.8. Hoàn thiện các quy định về thiết chế bảo vệ môi trường

3.8.1. Các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường

- Cần có các quy định pháp lý về phân công, phân cấp chức năng, nhiệm vụ rõ ràng giữa các bộ ngành và địa phương trong quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; xác định rõ nội dung của quản lý nhà nước về môi trường, xác định rõ chức năng, quyền hạn và quan hệ phối hợp giữa "cơ quan quản lý Nhà nước thống nhất" về môi trường và "cơ quan quản lý Nhà nước chuyên ngành" để tạo thuận lợi cho việc quản lý mà không gây phức tạp cho cơ sở.

- Phân công trách nhiệm bảo vệ môi trường của các bộ, ngành kinh tế, bởi bảo vệ môi trường là một trong ba trụ cột của phát triển bền vững của các ngành, các cấp.

- Cần có các quy định về tổ chức chuyên môn, chuyên trách về bảo vệ môi trường trong các bộ, ngành. Đây là cơ sở để bảo vệ môi trường ở các cơ quan này.

- Phân cấp rõ ràng trong việc thanh tra, kiểm tra thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong đó quy định rõ thanh tra cấp nào thì được thanh tra vấn đề gì. Tránh tình trạng nhiều đoàn thanh tra cùng thanh tra về một vấn đề đối với một đối tượng thanh tra, gây khó khăn cho các đơn vị sản xuất, kinh doanh.

Do vậy, Chính phủ cần ban hành Nghị định về thành lập tổ chức hoặc bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại các Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ phù hợp với nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc ngành, lĩnh vực được giao quản lý. Ngoài ra, để thực hiện quy định tại khoản 3 và 4 của Điều 123 Luật Bảo vệ môi trường, trong thời gian tới, các cơ quan hữu quan cũng cần có văn bản hướng dẫn rõ việc củng cố đội ngũ

cán bộ môi trường cấp xã (cán bộ chuyên trách hay cán bộ kiêm nhiệm, số lượng cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường có quan hệ gì với quy mô, điều kiện đặc thù của mỗi xã).

Thêm vào đó, trong thời gian tới cũng cần có quy định cụ thể về cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân đại diện cho nhà nước khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với các trường hợp làm ô nhiễm môi trường, gây thiệt hại cho các thành phần môi trường thuộc sở hữu của nhà nước mà nhà nước chưa giao cho ai quản lý, sử dụng ổn định lâu dài hoặc các thành phần môi trường không thể phân chia như hệ sinh thái, cảnh quan thiên nhiên, động vật hoang dã...

3.8.2. Thanh tra bảo vệ môi trường

Thanh tra bảo vệ môi trường là lực lượng quan trọng trong hoạt động quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, kể từ khi Luật Thanh tra 2010 được Quốc hội thông qua tại Luật số 56/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010 quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2011, thì các Bộ, ngành vẫn thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành nhưng không có tổ chức thanh tra chuyên ngành. Để hoạt động thanh tra chuyên ngành môi trường có hiệu quả nhằm triển khai quy định tại Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường, trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường cần chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan như Bộ Nội vụ và các Bộ, ngành khác xây dựng Dự thảo Nghị định về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của thanh tra bảo vệ môi trường trình Chính phủ xem xét, ban hành và không trái với các quy định của Luật Thanh tra 2010.

3.8.3. Ban hành các Nghị quyết liên ngành về phân định thẩm quyền giữa các Bộ, ngành hữu quan

Trong thực tế triển khai các quy định về quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, việc mâu thuẫn, tranh chấp về thẩm quyền giữa Bộ Tài nguyên và Môi trường với các Bộ, ngành hữu quan là khó tránh. Để giải quyết tình trạng này, Bộ Tài nguyên và Môi trường có thể phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan ban hành các Nghị quyết liên ngành để phân định thẩm quyền quản lý nhà nước. Tuy giải pháp này chưa được sử dụng phổ biến ở Việt Nam nhưng đây là giải pháp hoàn toàn có thể thực thi được trong giai đoạn hiện nay.

3.8.4. Tăng cường năng lực cho các cơ quan xử lý tội phạm môi trường

Mặc dù Bộ luật Hình sự năm 1999 và được sửa, đổi bổ tại Luật số 37/2009/QH12 được thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2009 đã bổ sung nhiều tội phạm quan trọng về môi trường nhưng hầu như trong thực tế, các hành vi gây ô nhiễm môi trường và nhiều vi phạm khác trong lĩnh vực môi

trường mới chỉ dừng ở giai đoạn điều tra, chưa bị truy tố, xét xử về mặt hình sự. Một trong những nguyên nhân của tình trạng kể trên chính là việc các cơ quan điều tra, truy tố, xét xử chưa có kinh nghiệm và sự chuẩn bị cần thiết đối với hoạt động điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về môi trường. Chính vì thế, đã đến lúc cần quan tâm tới vấn đề củng cố năng lực điều tra, truy tố, xét xử các tội phạm và tranh chấp về môi trường.

3.9. Hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

3.9.1. Hoàn thiện các quy định xử lý về mặt dân sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường

Để thực hiện quy định tại Điều 131 Luật Bảo vệ môi trường 2005, trong thời gian tới, các cơ quan hữu quan có trách nhiệm xây dựng Dự thảo Nghị định hướng dẫn cách xác định thiệt hại do ô nhiễm, suy thoái môi trường gây ra trình Chính phủ xem xét, ban hành để giải quyết tình trạng ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường ngày càng gia tăng, gây thiệt hại cho môi trường, tính mạng, sức khỏe và tài sản của con người, thực hiện nguyên tắc “người gây ô nhiễm phải trả tiền”. Tuy nhiên cần phân biệt rõ loại thiệt hại nào là thiệt hại theo pháp luật dân sự và thiệt hại nào thì áp dụng pháp luật bảo vệ môi trường. Việc phân định rõ trách nhiệm khắc phục, phục hồi môi trường là trách nhiệm hành chính hay trách nhiệm dân sự trong cũng cần được đặt ra.

3.9.2. Hoàn thiện các quy định xử lý về mặt hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường

Để các nghĩa vụ luật định được tuân thủ trong thực tiễn việc bổ sung các hành vi và mức xử phạt đối với chủ thể có hành vi vi phạm là cần thiết.

Những quy định tại các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 17 cũng như thuật ngữ “theo quy định”.... trong Nghị định 117/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường, như đã phân tích và trích dẫn tại trang 57 hầu như không khả thi trong thực tế. Do vậy, trong thời gian tới, cần ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định 117/2009/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực môi trường mà nội dung quan trọng là bổ sung thêm các hành vi phát sinh từ thực tiễn quản lý cũng như tăng mức phạt, đảm bảo sự tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Ví dụ: hành vi vi phạm quy định về việc cấm khai thác, kinh doanh, tiêu thụ, sử dụng các loài thực vật, động vật hoang dã quý hiếm thuộc danh mục cấm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định; hành vi của tổ chức, cá nhân có sử dụng thiết bị, phương tiện chuyên dụng để vận chuyển nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa, chất thải nhưng cố tình xả chất thải ra môi trường v.v.

Để bảo đảm việc xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, không bỏ lọt vi phạm, cần có quy định làm rõ ranh giới giữa trách nhiệm hình sự và trách nhiệm hành chính. Ngoài ra, Nghị định sửa đổi, bổ sung này cũng cần quy định xử lý các mâu thuẫn, chồng chéo trong lĩnh vực xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường đã nêu ở phần trước của luận văn.

Bên cạnh đó, Nghị định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cần điều chỉnh, bổ sung một số nội dung sau:

Một là, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2008 để đảm bảo tính thống nhất của pháp luật. Để các nội dung quy định này được thực hiện trong lĩnh vực bảo vệ môi trường cần phải điều chỉnh bổ sung hoặc thay thế Nghị định 117/2009/NĐ-CP cho phù hợp.

Hai là, quy định cơ chế truy cứu trách nhiệm các cá nhân trong trường hợp xử lý vi phạm hành chính của các tổ chức.

Đồng thời với việc hoàn thiện quy định về xử phạt vi phạm hành chính cần phải tổ chức, thành lập hoặc tăng cường năng lực cho những thiết chế, lực lượng để thực thi các quy định trên thực tế. Đây là điều kiện tiên quyết cho việc đảm bảo các quy phạm về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường đi vào cuộc sống.

3.9.3. Hoàn thiện các quy định xử lý về mặt hình sự đối với các hành vi vi phạm pháp luật môi trường

Trong thời gian tới, khi hoàn thiện Bộ luật Hình sự năm 1999, các loại hành vi kê trên cần được nghiên cứu để tội phạm hóa hóa đối với hành vi vận chuyển chất thải, chất phóng xạ trái phép qua biên giới, hành vi sử dụng vũ khí sinh học, hành vi vi phạm quy định về sử dụng các chất và phế thải nguy hiểm cho môi trường, vi phạm các quy định về an toàn khi tiếp xúc với các độc tố vi sinh hay độc tố sinh học khác v.v..

Mặt khác, để đưa các quy định của Bộ Luật Hình sự 1999 sửa đổi năm 2009 quy định các tội danh về môi trường (Chương XVII) đi vào thực tiễn cuộc sống, cần sớm ban hành một văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn việc thi hành 10 điều luật của Chương XVII Bộ Luật Hình sự theo hướng quy định rõ ranh giới rõ ràng giữa trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự. Một vấn đề cũng cần đặt ra nghiên cứu và hoàn thiện bổ sung vào Bộ luật hình sự chính là vấn đề truy cứu trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân có hành vi vi phạm quy định về bảo vệ môi trường. Tuy vấn đề này còn có nhiều ý kiến khác nhau, tuy nhiên, xét từ yêu cầu đảm bảo tính nghiêm khắc của biện pháp xử phạt, tăng cường tính răn đe, phòng ngừa đối với người có hành vi vi phạm và các tổ chức, cá nhân khác, đảm bảo tính dân chủ, cần trọng trong quá trình áp dụng pháp luật, việc truy cứu

trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân có hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường là cần thiết.

3.10. Một số kiến nghị khác

- Tiếp tục xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Đa dạng sinh học.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định trong Quyết định số 03/2004/QĐ-BTNMT ngày 2/4/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Quy định về bảo vệ môi trường đối với phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất cho phù hợp với các quy định tại Điều 43 Luật Bảo vệ môi trường.

- Xem xét sửa đổi, bổ sung Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 17/10/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án “Đưa các nội dung bảo vệ môi trường vào hệ thống giáo dục quốc dân”, đảm bảo đúng tinh thần, yêu cầu được quy định tại Điều 107 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005

- Tuyên bố hết hiệu lực đối với Chỉ thị 406/CT ngày 8/8/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo vì những nội dung còn phù hợp của Chỉ thị này đều đã được tích hợp vào Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 (Điều 85 Khoản 4), còn các quy định về mức xử phạt đối với hành vi vi phạm trong Chỉ thị này thì quá thấp, không còn phù hợp với thực tế và đã được quy định tại Điều 19 Nghị định 121/2004/NĐ-CP.

- Bộ Văn hóa - Thông tin và Bộ Tài nguyên và Môi trường cùng với các Bộ, ngành hữu quan cần ban hành quy chế phối hợp hoạt động, quy định cụ thể nội dung các hoạt động phối hợp, phương thức phối hợp, cơ quan thực hiện việc phối hợp, nguồn tài chính thực hiện các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu, quảng bá về sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường để góp phần xây dựng thói quen tiêu dùng thân thiện với môi trường của người dân để thực hiện Điều 34 Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 đề ra định hướng xây dựng thói quen tiêu dùng thân thiện với môi trường. Thêm vào đó, Nhà nước cũng cần ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về các nội dung của chính sách khuyến khích tổ chức, cá nhân tiêu dùng các loại sản phẩm tái chế từ chất thải, sản phẩm hữu cơ, bao gói dễ phân huỷ trong tự nhiên, sản phẩm được cấp nhãn sinh thái và sản phẩm khác thân thiện với môi trường.

- Các Bộ, ngành nên khẩn trương ban hành Quy chế bảo vệ môi trường trong các hoạt động do Bộ, ngành mình quản lý.

KẾT LUẬN

Qua việc nghiên cứu đề tài “Pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp”, tác giả rút ra một số kết luận sau:

- Hoạt động xây dựng và hoàn thiện hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường rất được Đảng và Nhà nước ta quan tâm kể từ khi đất nước tiến hành chuyển đổi sang cơ chế thị trường, nhất là kể từ khi nước ta bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Sau hơn 5 năm kể từ khi ban hành Luật Bảo vệ môi trường 2005 được ban hành, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống quy phạm tương đối đồ sộ, toàn diện về bảo vệ môi trường, có tầm hiệu lực pháp lý đủ mạnh, cơ bản đáp ứng các yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hiện nay.

- Do bảo vệ môi trường và xây dựng pháp luật về bảo vệ môi trường là hoạt động phức tạp và về nhiều mặt còn mới mẻ đối với Việt Nam, hệ thống quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường ở Việt Nam còn nhiều điểm bất cập, tồn tại. Trước mắt, đề nghị xây dựng Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi. Về lâu dài cần nghiên cứu xây dựng Bộ Luật môi trường với phạm vi và đối tượng điều chỉnh rộng và bao quát hết các vấn đề về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên để phù hợp với yêu cầu của đất nước theo mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 về cơ bản nước ta đã trở thành nước công nghiệp.

- Để hoàn thiện pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất giữa tinh thần, quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2005 với các quy định pháp luật về môi trường đã ban hành trước đây, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, trong thời gian tới nhiều văn bản quy phạm pháp luật mới cần được ban hành trong đó có thể kể đến các Luật Không khí sạch, Luật Bảo vệ môi trường biển,... đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về bảo vệ môi trường.

Luận văn mong muốn đạt được một số kết quả chính như sau:

- Hệ thống hóa và bổ sung lý luận về pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam;

- Phản ánh thực trạng của pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam trong những năm gần đây;

- Đưa ra một số quan điểm và những giải pháp chủ yếu để hoàn thiện pháp luật bảo vệ môi trường Việt Nam trong thời gian tới.

Kết quả nghiên cứu của luận văn sẽ góp một phần nhỏ cho các nhà quản lý, hoạch định chính sách về bảo vệ môi trường xem xét, tham khảo cho việc xây dựng chính sách bảo vệ môi trường trong thời gian tới